BẢN THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

STT	Nội dung dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	
	1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn *(sau đây gọi là Chương trình).* **2. Đối tượng áp dụng:** a) Các sở, ban, ngành; Uỷ ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn ngân sách Nhà nước để thực hiện Chương trình. b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.	**Cơ sở đề xuất:** Căn cứ Điều 1 và Điều 2 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg ngày 10/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035 và phù hợp với mô hình hoạt động và cơ cấu tổ chức bộ máy của địa phương hai cấp trên địa bàn tỉnh.
	Điều 2. Nguyên tắc phân bổ vốn 1. Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 và các văn bản pháp luật có liên quan. 2. Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể của Chương trình giai đoạn 2026 - 2030, bảo đảm không vượt quá tổng mức vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. 3. Đầu tư trọng tâm, trọng điểm và bền vững, tập trung vào các nội dung cần ưu tiên thực hiện trước nhằm tạo đột phá trong phát triển văn hóa: a) Các nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết trong bảo tồn, phát	**Cơ sở đề xuất:** Căn cứ Điều 3, khoản 2 Điều 6 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg ngày 10/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ ***- Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn*** 1. Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 và các văn bản pháp luật có liên quan. 2. Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể của Chương trình giai đoạn 2026 - 2030, bảo đảm không vượt quá tổng mức vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. 3. Đầu tư trọng tâm, trọng điểm và bền vững, tập trung vào các nội dung cần ưu tiên thực hiện trước nhằm tạo đột phá trong phát triển văn hóa: a) Các nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết trong bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa, phát triển con người toàn diện. b) Hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa các cấp và một số nhiệm vụ mà Nhà nước

	huy các giá trị di sản văn hóa, phát triển con người toàn diện. b) Hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa các cấp và một số nhiệm vụ mà nhà nước cần đầu tư để dẫn dắt, định hướng, chi phối, tạo nền tảng để thu hút toàn xã hội tham gia phát triển văn hóa, đặc biệt là các nhiệm vụ phát triển công nghiệp văn hóa. c) Các nhiệm vụ về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa. d) Hỗ trợ các địa phương có điều kiện phát triển kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. 4. Căn cứ tổng mức vốn ngân sách trung ương hỗ trợ (bao gồm vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp) và nguồn vốn ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phân bổ, đảm bảo đồng bộ, không chồng chéo, không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung, hoạt động với các chương trình mục tiêu quốc gia khác. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các cơ quan và phân cấp triệt để cho các cấp chính quyền địa phương. 5. Việc phân bổ, sử dụng vốn phải được công khai trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và tại trụ sở UBND các cấp.	cần đầu tư để dẫn dắt, định hướng, chỉ phối, tạo nền tảng để thu hút toàn xã hội tham gia phát triển văn hóa, đặc biệt là các nhiệm vụ phát triển công nghiệp văn hóa. c) Các nhiệm vụ về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa. d) Hỗ trợ các địa phương có điều kiện phát triển kinh tế - xã hội khó khăn. 4. Căn cứ tổng mức vốn ngân sách trung ương hỗ trợ *(bao gồm vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp)* và nguồn vốn ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định phân bổ, đảm bảo đồng bộ, không chồng chéo, không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung, hoạt động với các chương trình mục tiêu quốc gia khác. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các bộ, cơ quan trung ương và phân cấp triệt để cho các cấp chính quyền địa phương.

	Điều 3. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương 1. Bố trí vốn đối ứng từ nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2025 – 2035 và hàng năm tối thiểu bằng 10% tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho tỉnh. 2. Vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa được phân bổ cho các cấp, các xã, phường tương ứng với mức vốn ngân sách trung ương được phân bổ, bảo đảm tỷ lệ vốn đối ứng tối thiểu theo quy định. Mức vốn đối ứng ngân sách địa phương phân bổ cho từng xã, phường được xác định theo công thức: Vốn đối ứng địa phương của xã, phường = Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho xã, phường × Tỷ lệ vốn đối ứng theo quy định tại khoản 1 Điều này.	**Cơ sở đề xuất:** Căn cứ Điều 7 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg ngày 10/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định nguyền tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035: *"Điều 7. Nguyên tắc bố trí và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương* *1. Nguyên tắc bố trí vốn đối ứng của ngân sách địa phương* *a) Tổng vốn đối ứng từ nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2025 - 2030 bảo đảm mức quy định tại Nghị quyết số 162/2024/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035.* *b) Các địa phương có trách nhiệm phải bố trí đủ vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2025 - 2030 theo quy định tại Điều 7 của Quyết định này để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.* *Địa phương được hỗ trợ vốn từ ngân sách trung ương thực hiện Chương trình chịu trách nhiệm bố trí vốn ngân sách địa phương giai đoạn 5 năm, cân đối vốn ngân sách địa phương hằng năm không thấp hơn mức vốn đối ứng thực hiện Chương trình tại địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều này.* *c) Đối với năm 2025, danh sách các địa phương tự cân đối được ngân sách và các địa phương được nhận tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách trung ương được căn cứ trên cơ sở dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 của từng địa phương theo quy định tại Nghị quyết số 160/2024/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2025 và các Nghị quyết khác của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2025 sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; đối với giai đoạn 2026 - 2030, danh sách các địa phương tự cân đối được ngân sách và các địa phương được nhận tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách trung ương được căn cứ trên cơ sở dự toán thu, chi ngân sách năm 2026 của từng địa phương được Quốc hội quyết định.* *2. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương* *a) Đối với các địa phương tự cân đối được ngân sách: Nguồn vốn thực hiện Chương*

		trình bố trí từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác trên địa bàn. Ngân sách trung ương chỉ hỗ trợ cho một số nhiệm vụ cụ thể có quy mô, tính chất quốc gia do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở đề xuất của địa phương và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. b) *Đối với các tỉnh nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương: Các địa phương có tỷ lệ số bổ sung cân đối/tổng chi cân đối ngân sách địa phương từ 60% trở lên: Hằng năm, ngân sách địa phương bố trí vốn đối ứng tối thiểu bằng 10% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho địa phương.*

	Điều 4. Tiêu chí, hệ số, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương	
	1. Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các xã, phường	
	a) Theo đối tượng xã - Các xã đặc biệt khó khăn (khu vực III): Hệ số 6,0. - Các xã còn lại (khu vực I,II): Hệ số 4,0. - Các phường (khu vực I): Hệ số 2,0. - Việc xác định đối tượng xã theo trình độ phát triển theo Quyết định số 104/QĐ-BDTTG về công bố danh sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 – 2030, đợt 2 và Quyết định số 255/QĐ-BDTTG về việc sửa đổi, bổ sung, thay thế danh sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 – 2030. - Gọi hệ số điểm tiêu chí theo đối tượng xã là A.	**Cơ sở đề xuất:** Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các địa phương theo đối tượng xã: Quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg ngày 10/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ "*a) Các xã đặc biệt khó khăn: Hệ số 6,0. Các xã còn lại: Hệ số 4,0. Các phường: Hệ số 2,0.*" Căn cứ Quyết định số 104/QĐ-BDTTG ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo công bố danh sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 – 2030, đợt 2 và Quyết định số 255/QĐ-BDTTG ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo về việc sửa đổi, bổ sung, thay thế danh sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 – 2030.
	b) Theo quy mô dân số. - Hệ số 30 được xác định do tổng quy mô dân số tỉnh Lạng Sơn dưới 1 triệu người (tại điểm c khoản 1 Điều 5 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg) - Gọi hệ số điểm tiêu chí theo quy mô dân số của mỗi xã, phường là B. - Hệ số điểm: $B = \left(\frac{30}{\text{tổng số dân trên toàn tỉnh}}\right) \times$ tổng số dân mỗi xã, phường	**Cơ sở đề xuất:** - Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các xã, phường theo quy mô dân số: theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg ngày 10/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ *"Các địa phương có dân số dưới 1 triệu người: Hệ số 30".* *- Căn cứ quy mô dân số các xã/phường sau sắp xếp, thành lập tại Nghị quyết số 1672/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn các vị hành chính cấp xã của tỉnh Lạng Sơn năm 2025 để xây dựng hệ số cho các xã, phường theo công thức: Dân số thực tế của xã, phường nhân với số điểm của tỉnh theo quy định (30) chia cho tổng dân số toàn tỉnh (cộng tổng hệ số các xã bằng hệ số của tỉnh là 30 theo*

	- Việc xác định quy mô dân số theo Nghị quyết số 1672/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn các vị hành chính cấp xã của tỉnh Lạng Sơn năm 2025. - Hệ số B được làm tròn đến 2 chữ số thập phân sau dấu phẩy.	*quy định tại Quyết định 41/2025/QĐ-TTg).* - Về hệ số B được làm tròn dựa trên tình hình thực tế ví dụ: dân số phường Đông Kinh là 44.513 người sẽ có hệ số điểm theo tiêu chí quy mô dân số là 1,55096 điểm; nên đề nghị làm tròn đến 2 chữ số thập phân sau dấu phẩy sẽ là 1,55 điểm trong quá trình phân bổ kinh phí cho 65 xã, phường sẽ đảm bảo cho cơ quan phân bổ.
	c) Tiêu chí, hệ số phân bổ cho một xã theo quy mô diện tích - Hệ số 40 được xác định do tổng quy mô diện tích tỉnh Lạng Sơn có diện tích từ 5.000 km^2 đến dưới 10.000 km^2 (tại điểm d khoản 1 Điều 5 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg) - Gọi hệ số điểm tiêu chí theo quy mô diện tích của mỗi xã, phường là C. - Hệ số điểm: $C = \left(\frac{40}{\text{tổng diện tích toàn tỉnh}} \right) \times$ tổng diện tích mỗi xã, phường - Việc xác định quy mô diện tích theo Nghị quyết số 1672/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn các vị hành chính cấp xã của tỉnh Lạng Sơn năm 2025. - Hệ số C được làm tròn đến 2 chữ số thập phân sau dấu phẩy.	**Cơ sở đề xuất:** - Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các xã, phường theo quy mô diện tích: theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg ngày 10/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ *"Các địa phương có diện tích từ 5.000 km² đến dưới 10.000 km²: Hệ số 40."* - Căn cứ quy mô diện tích các xã/phường sau sắp xếp, thành lập tại Nghị quyết 1672/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn các vị hành chính cấp xã của tỉnh Lạng Sơn năm 2025 để xây dựng hệ số cho các xã, phường theo công thức: Diện tích thực tế của xã, phường nhân với số điểm của tỉnh theo quy định (40) chia cho tổng diện tích toàn tỉnh *(cộng tổng hệ số các xã bằng hệ số của tỉnh là 40 theo quy định tại Quyết định 41/2025/QĐ-TTg).* - Về hệ số C được làm tròn dựa trên tình hình thực tế ví dụ: diện tích phường Đông Kinh là 54,68 km^2 sẽ có hệ số điểm theo tiêu chí quy mô diện tích là 0,26329 điểm; nên đề nghị làm tròn đến 2 chữ số thập phân sau dấu phẩy sẽ là 0,26 điểm trong quá trình phân bổ kinh phí cho 65 xã, phường sẽ đảm bảo cho cơ quan phân bổ.
	2. Phương pháp tính mức vốn được phân bổ a) Căn cứ vào các tiêu chí tại khoản 1 Điều này, số điểm của mỗi xã, phường và tổng số điểm của mỗi xã, phường làm căn cứ để phân bổ vốn ngân sách trung ương hỗ trợ cho ngân sách xã, phường, theo các công thức sau: Gọi số điểm của tiêu chí phân bổ theo đối tượng xã của xã, phường thứ i là: A_i Gọi tổng số điểm tiêu chí phân bổ theo quy mô dân số của xã, phường thứ i là B_i. Gọi tổng số điểm tiêu chí phân bổ theo quy mô diện tích của xã, phường thứ i là C_i.	**Cơ sở đề xuất:** - Căn cứ vào khoản 2 Điều 5 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg ngày 10/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ

	Gọi tổng điểm của mỗi xã, phường thứ i là Xi: $Xi = A_i + B_i + C_i$ Gọi tổng số điểm của n xã, phường nhận hỗ trợ ngân sách trung ương là Y: $Y = \sum_{i=1}^{n} Xi$ b) Số vốn định mức cho một điểm phân bổ được tính theo công thức: Gọi K là tổng số vốn ngân sách trung ương của Chương trình còn lại sau khi phân bổ cho ngân sách cấp tỉnh. Gọi Z là số vốn định mức cho một điểm phân bổ vốn ngân sách trung ương, khi đó: $Z = \frac{K}{Y}$ c) Tổng số vốn ngân sách trung ương của Chương trình hỗ trợ cho ngân sách xã, phường của từng xã, phường được tính theo công thức: Gọi V_i là số vốn ngân sách trung ương của Chương trình hỗ trợ cho ngân sách xã, phường của xã, phường thứ i: $V_i = Z \times X_i$	

	3. Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương	
	a) Tổng số vốn phân bổ cho cấp xã được xác định bằng tổng số vốn còn lại sau khi phân bổ cho cấp tỉnh. b) Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn căn cứ kế hoạch vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp được hỗ trợ từ ngân sách trung ương được cấp có thẩm quyền giao và điều kiện, nhu cầu thực tế của từng địa phương trong tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ vốn cụ thể cho các cấp (tỉnh, xã) để thực hiện các nội dung của Chương trình, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo quy định, bảo đảm thực hiện hiệu quả nguồn vốn được giao theo các nguyên tắc ưu tiên hỗ trợ quy định tại Điều 2, Điều 3 và khoản 1, khoản 2 Điều này.	**Cơ sở đề xuất:** Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương tại địa phương và nguồn vốn ngân sách địa phương thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg và tình hình thực tế tại địa phương để đảm bảo không bị dàn trải, bố trí thực hiện các dự án ưu tiên tại cấp tỉnh
	Điều 5. Tổ chức thực hiện 1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định. 2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Văn hóa – Xã hội của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.	
	Điều 6. Hiệu lực thi hành Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn thông qua ngày tháng năm 2026 và có hiệu lực từ ngày tháng năm ./.	